

Số: 01/2021/QĐHG-KDTM

TH, ngày 07 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI T TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ TH, TỈNH TH

Thẩm phán ra Q định: Bà Nguyễn Anh Thư

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải Q toàn bộ vụ việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, giữa:

Các bên yêu cầu công nhận kết quả hòa giải T tại Tòa án là:

- Người khởi kiện: Ngân hàng TMCP CTVN

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Trung Kiên – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Sông Công (Theo văn bản ủy quyền số 1278/UQ- HĐQT- NHCT18 ngày 30/9/2021)

- Người bị kiện: Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1973 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân QH. Chứng minh thư nhân dân số: 090644758 do Công an tỉnh TH cấp. Nay có căn cước công dân số 019073009199 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

Địa chỉ: Tổ 9, Phường Trung T, T phố TH, tỉnh TH

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1982

Chứng minh thư nhân dân số: 090775060 do Công an tỉnh TH cấp. Nay có căn cước công dân số 019182005490 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1945

Chứng minh thư nhân dân số: 090040432 do Công an tỉnh TH cấp. Nay có căn cước công dân số 019046001679 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

3. Bà Trần Thị T, sinh 1945

Chứng minh thư nhân dân số: 090097223 do Công an tỉnh TH cấp. Nay có căn cước công dân số 019145001642 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

Cùng địa chỉ: Tổ 09, Phường Trung T, T phố TH, tỉnh TH.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án;

XÉT THẤY:

Các bên tham gia hòa giải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận, thống nhất. Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Các bên tham gia hòa giải thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân T phố TH công nhận kết quả hòa giải T tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải T tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

*** Ngân hàng TMCP CTVN**

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Trung Kiên – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Sông Công (*Theo văn bản ủy quyền số 1278/UQ- HĐQT- NHCT18 ngày 30/9/2021*)

*** Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1973 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân QH**

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1982

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1946

3. Bà Trần Thị T, sinh 1949

Cùng địa chỉ: Tổ 09, Phường Trung T, T phố TH, tỉnh TH.

2. Công nhận kết quả hòa giải T tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Sông Công và ông Nguyễn Đức Q - Chủ doanh nghiệp Tư nhân QH đều xác nhận: Ông Nguyễn Đức Q còn nợ Ngân hàng TMCP CTVN – Chi nhánh Sông Công tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2021 là: 2.972.722.358đ (*Hai tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 400234529/2018-HĐCVHM/NHCT222-QUYNH H1 – ngày 25/05/2018. Trong đó: Số tiền nợ gốc là 2.204.800.000đ (*Hai tỷ hai trăm linh tư triệu tám trăm nghìn đồng*), số tiền nợ lãi trong hạn là 525.912.305đ (*Năm trăm hai mươi năm triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm linh năm đồng*) và số tiền nợ lãi quá hạn là 242.010.053đ (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, không trăm mười nghìn lẻ năm mươi ba đồng*).

Toàn bộ dư nợ vay của ông Nguyễn Đức Q được bảo đảm bằng các tài sản là cụ thể như sau:

Một là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.11.1.021.QH-TC ngày 06/11/2014, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất (trong đó: có nhà xây 1 tầng, diện tích 80m², cùng công trình phụ, tường rào) tại thửa số 63, tờ bản đồ số 10, diện tích 210m² (đất thổ cư). Địa chỉ thửa đất: Tổ 40 (nay là tổ 19), phường Trung T, T phố TH, tỉnh TH. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0041809 do UBND T phố TH cấp ngày 09/08/1994, số vào sổ cấp GCN QSDĐ số 00235 QSDĐ/TT mang tên ông Nguyễn Đức H, địa chỉ thường trú: Tổ 40 (nay là tổ 19), phường Trung T, T phố TH, tỉnh TH. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định. Tài sản đang được gia đình vợ chồng ông Nguyễn Đức H sử dụng để ở.

Hai là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.11.2.021.QH-TC ngày 06/11/2014, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 554, tờ bản đồ số 3, diện tích 56,1m² đất ở đô thị và thửa 147, tờ bản đồ 16, diện tích 13,5m² đất ở đô thị. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở 1 tầng, diện tích 60m².

Địa chỉ cả 2 thửa đất cùng: Phường Trung T, T phố TH, tỉnh TH. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BU 898033 do UBND T phố TH cấp ngày 24/10/2014, số vào sổ cấp GCN QSDĐ số QĐ:11035/QĐ-UBND mang tên ông Nguyễn Đức Q - Sinh năm 1973. CMND 090644758 và Bà Trần Thị Anh Đ – Sinh năm 1982. CMND 090775060, địa chỉ thường trú: Phường Trung T, T phố TH, tỉnh TH. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định. Tài sản đang được vợ chồng ông Nguyễn Đức Q sử dụng để ở và kinh doanh.

Ba là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.12.1.021.QH-TC ngày 01/12/2014, tài sản gồm: Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Grand 1.0, năm sản xuất 2014, 05 chỗ ngồi, biển kiểm soát 20A-103.69, số khung 51AAFM180706, số máy G3LAEM221093, màu bạc. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003587, mang tên Doanh nghiệp tư nhân QH, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2014, cơ quan cấp Công an tỉnh TH.

Bốn là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.01.1.021.QH-TC ngày 28/1/2015, tài sản gồm: Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Grand 1.0, năm sản xuất 2014, 05 chỗ ngồi, biển kiểm soát 20A-113.68, số khung 51AAFM204832, số máy G3LAEM246209, màu bạc. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005751, mang tên Doanh nghiệp tư nhân QH, đăng ký lần đầu ngày 24/1/2015, cơ quan cấp Công an tỉnh TH.

Năm là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.02.1.021.QH-TC ngày 13/2/2015, tài sản gồm: 04 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Grand 1.0, năm sản xuất 2014, 05 chỗ ngồi:

STT	BKS	GCNDK	Ngày cấp	Số khung	Số máy	Màu
1	20A-116.34	006662	12/2/2015	51AAFM21547	G3LAEM254098	Bạc
2	20A-117.55	006640	12/2/2015	51AAFM220074	G3LAEM257701	Bạc
2	20A-117.87	006654	12/2/2015	51AAFM220305	G3LAEM257820	Bạc
4	20A-118.31	006734	13/2/2015	51AAFM220308	G3LAEM257747	Bạc

2.2. Ông Nguyễn Đức Q cam kết sẽ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Sông Công:

- Về số tiền nợ gốc là: 2.204.800.000đ (*Hai tỷ hai trăm linh tư triệu tám trăm nghìn đồng*), cam kết thanh toán theo các mốc thời gian sau:

- + Chậm nhất ngày 31/01/2022: Thanh toán 700.000.000đ nợ gốc (*Bảy trăm triệu đồng*).
- + Chậm nhất ngày 30/04/2022: Thanh toán 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) nợ gốc
- + Chậm nhất ngày 31/07/2022: Thanh toán 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) nợ gốc
- + Chậm nhất ngày 31/10/2022: Thanh toán 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) nợ gốc
- + Chậm nhất ngày 31/01/2023: Thanh toán 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) nợ gốc.
- + Chậm nhất ngày 30/04/2023: Thanh toán 704.800.000đ (*Bảy trăm linh bốn triệu đồng, tám trăm nghìn đồng*) nợ gốc còn lại.

- Về số tiền nợ lãi trong hạn: Chậm nhất ngày 31/05/2023: Thanh toán toàn bộ phần lãi trong hạn. Bao gồm: Số tiền nợ lãi trong hạn tính đến hết ngày 16/11/2021 là 525.912.305đ (*Năm trăm hai mươi năm triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm linh năm đồng*) và số tiền nợ lãi trong hạn tiếp tục tính kể từ ngày 17/11/2021 trên số tiền nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc và toàn bộ nợ lãi trong hạn.

- Về số nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 16/11/2021 là: 242.010.053đ (*Hai trăm bốn mươi hai triệu, không trăm mười nghìn lẻ năm mươi ba đồng*) và phần nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 17/11/2021. Hai bên thỏa thuận: Sau khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc và số nợ lãi trong hạn theo mốc thời gian như nêu trên ông Nguyễn Đức Q phải làm đơn, hồ sơ đề nghị Ngân hàng xem xét cho miễn toàn bộ phần nợ lãi quá hạn để Ngân hàng xem xét miễn lãi và xuất trả tài sản thế chấp.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Trường hợp, ông Nguyễn Đức Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ một trong các mốc thời hạn thanh toán đã thỏa thuận như trên, Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Sông Công có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mại tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp tài sản, để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Các tài sản gồm:

(1) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 14.11.2.021.QH-TC ngày 06/11/2014

+ Quyền sử dụng đất ở đô thị diện tích 69,6m², 02 thửa đất, thời hạn sử dụng lâu dài; nguồn gốc sử dụng: nhận quyền sử dụng đất do tặng cho quyền sử dụng đất. Vị trí: Thửa đất số 554, tờ bản đồ số 3, diện tích 56,1m² và thửa đất số 147, tờ bản đồ số 16, diện tích 13,5m²; Địa chỉ thửa đất: Phường Trung T, TP.TH, tỉnh TH. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành số BU898033 do UBND TP TH cấp ngày 24/10/2014

mang tên Nguyễn Đức Q - Trần Thị Anh Đ. Số vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH01680/NTC.

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà xây 1 tầng
- Các tài sản, công trình khác gắn liền với đất

(2) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 14.11.1.021.QH-TC ngày 06/11/2014

+ Quyền sử dụng đất thổ cư diện tích 210m² thời hạn sử dụng lâu dài; Vị trí: Tờ bản đồ số 10, thửa số 63; Địa chỉ: Lô I, đường Gang Thép, tổ 19, phường Trung T, TP.TH, tỉnh TH; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành số D0041809 do UBND TP TH cấp ngày 09/08/1994 mang tên Nguyễn Đức H - Trần Thị T. Số vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00235 QSDĐ/TT.

- Tài sản gắn liền với đất: Nhà xây kiên cố 1 tầng
- Các tài sản, công trình khác gắn liền với đất

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 14.12.1.021.QH-TC ngày 01/12/2014

-Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con Hyundai I10 MT Sản xuất 2014; BKS 20A-103.69. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003587 do phòng CSGT công an tỉnh TH cấp ngày 27/11/2014, mang tên: DNTN QH.

(4) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 15.01.1.021.QH-TC ngày 28/01/2015

-Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con Hyundai I10 MT Sản xuất 2014; BKS 20A-113.68. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005751 do phòng CSGT công an tỉnh TH cấp ngày 24/01/2015, mang tên: DNTN QH.

(5) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 15.02.1.021.QH-TC ngày 13/02/2015

- Tài sản bảo đảm là 04 xe ô tô mang tên DNTN QH cụ thể :

+ 01 (một) Xe ô tô con Hyundai I10 MT; Sản xuất 2014; BKS 20A-117.55. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006640 do phòng CSGT công an tỉnh TH cấp ngày 12/02/2015;

+ 01 (một) Xe ô tô con Hyundai I10 MT; Sản xuất 2014; BKS 20A-117.87. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006654 do phòng CSGT công an tỉnh TH cấp ngày 12/02/2015;

+ 01 (một) Xe ô tô con Hyundai I10 MT; Sản xuất 2014; BKS 20A-116.34. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006662 do phòng CSGT công an tỉnh TH cấp ngày 12/02/2015;

+ 01 (một) Xe ô tô con Hyundai I10 MT; Sản xuất 2014; BKS 20A-118.31. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006734 do phòng CSGT công an tỉnh TH cấp ngày 13/02/2015;

3. Q định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại Q định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được Q định.

5. Viện Kiểm sát nhân dân T phố TH có quyền kiến nghị xem xét lại Q định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Q định của Tòa án.

6. Q định này được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Q định này thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND T phố TH
- CCTHA Dân sự TP TH;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thư